

Bản án số: 15/2020/HS-PT

Ngày 27 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuyên

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thông và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 135/2019/TLPT-HS ngày 17 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/HSPT-QĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo: Nguyễn Văn B do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2019/HS-ST ngày 05-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo và bị kháng nghị: **Nguyễn Văn B** (tên gọi khác: **Ba Đ**), sinh năm 1963 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số Z, đường N, phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Lê Kim Đ (đã ly hôn) và 04 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-9-2018 - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B: Ông Mai Lâm Phương, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV An Phú - An Khánh, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 368A, đường Lương Định Của, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt (bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt của luật sư).

Bị hại có kháng cáo: Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn B và chị Huỳnh Thị Thu H chung sống với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) năm 2006 ở Thành phố Hồ Chí Minh và có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 2007. Năm 2007, chị H và B bất hòa trong quá trình chung sống, chị H cùng con chuyển về sinh sống tại thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau đó, B thỉnh thoảng có đến thăm mẹ con chị H. Khoảng năm 2015 hoặc 2016, B có mua cho chị H 01 sợi dây chuyền vàng, đưa cho chị H 200.000.000 đồng (không viết giấy tờ) và mua 01 xe mô tô Hon da Air Blade biển kiểm soát 59S2-139.15 (đứng tên Nguyễn Văn B) để tại nhà chị H để chị H đi lại nuôi con. Quá trình chung sống B và chị H không có tài sản chung, tài sản của ai do người đó tự quản lý.

Ngày 24-6-2018, B và chị H xảy ra mâu thuẫn tại nhà của chị H, B bỏ về Thành phố Hồ Chí Minh. Sáng ngày 27-6-2018, B nảy sinh ý định lên nhà của chị H lấy tài sản (B cho rằng của mình) nên rủ thêm 06 người đi cùng. Lúc đi B nói mọi người đi cùng là lên Đắk Nông, đến nhà vợ B để nhậu, nhưng thực tế B không nói với chị H mời mọi người đến thăm nhà hay nhậu. B điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 51A-894.18 chở theo Huỳnh Nguyễn Bá H, Trần Văn M, Đinh Chánh Đ, Nguyễn Viết T, Kh và U (Kh và U là bạn thân của T) từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Khoảng 15 giờ, B cùng mọi người đến nhà của chị H. Khi tới, B quay đầu xe lại và cho xe dừng trước cửa nhà chị H. B cùng T, Kh và U nhanh chóng đi thẳng vào nhà, lúc này trong nhà chỉ có chị H và cháu Q. Thấy B đến cháu Q chạy vào lay chị H dậy (lúc này chị H đang ngủ trên ghế dựa ở phòng bếp). Khi chị H dậy thì giữa B và chị H có tranh cãi, sau đó B đến tháo lấy túi xách của chị H (dạng túi đeo hông hình bao tử) đang đeo trên người bên trong túi xách có 15.000.000 đồng, chìa khóa xe và giấy tờ tùy thân. Tiếp đến B đi vào phòng ngủ của chị H, mở khóa tủ bàn trang điểm lấy 110.000.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng, 02 nhẫn vàng và 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà B gửi cho chị H trước đó), sau đó quay ra lấy 02 điện thoại di động của chị H để trên bàn phòng bếp. Lấy được các tài sản này, B bỏ chung vào túi xách đưa ra xe, đến phòng khách thấy bên trái có 01 két sắt (bên trong không có tài sản gì), B nói T, Kh và U bê két sắt ra xe. Khi lấy các tài sản và bê két sắt bỏ lên ô tô, chị H đi theo sau đòi lại tài sản thì B lấy trong túi quần bên phải ra 01 cây gậy (loại gậy công cụ hỗ trợ của công an) đe dọa, không cho ai can thiệp. Thấy vậy, chị H sợ đứng lùi ra sau đuôi ô tô nhìn, không phản ứng gì nữa. B tiếp tục lấy chìa khóa xe trong túi xách đưa cho T vào lấy xe mô tô biển kiểm soát 59S2-139.15 đang dựng bên hiên nhà ra. Sau đó, T và 01 người bạn của T điều khiển xe mô tô chạy trước, B điều khiển xe ô tô chở mọi người đi cùng chạy sau về Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi B và mọi người lấy tài sản đi, chị H nhờ chị Huỳnh Thị Kim N chở đến Công an xã N trình báo sự việc.

Sáng ngày 28-6-2018, B cùng bà Nguyễn Thị M (mẹ ruột của B) và Nguyễn Tiến V (con ruột của B) đi đến xã N, huyện Đ. B gọi điện cho chị H trả lại cho chị H túi xách cùng sổ sách ghi nợ, giấy tờ tùy thân, 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 02 điện thoại di động, 15.000.000 đồng tiền mặt và 02 nhẫn vàng.

Bản kết luận giám định số: 835/C09C (DD) ngày 07-11-2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Đ kết luận: Sợi dây chuyền kim loại màu vàng, tại vị trí mắt khóa có dập chữ “PP610” có khối lượng 25,5 gam, hàm lượng vàng trung bình 61,5%.

Bản kết luận định giá tài sản số: 07/KLHĐĐG ngày 05-3-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 kết sắt đã qua sử dụng có giá trị 280.000 đồng, 01 điện thoại di động đã qua sử dụng có giá trị 90.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng có giá trị 13.800.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2019/HS-ST ngày 05-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R’Lấp đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn B 03 năm tù. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 07-11-2019, bị hại Huỳnh Thị Thu H kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn B và buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại số tiền 110.000.000 đồng; ngày 13-11-2019, bị cáo Nguyễn Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 20-11-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R’Lấp kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn B theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự, tăng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại số tiền 110.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R’Lấp và kháng cáo của bị hại Huỳnh Thị Thu H; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B; sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng, phần hình phạt, bồi thường thiệt hại và án phí dân sự sơ thẩm. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn B từ 03 năm 06 tháng - 04 năm tù; buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 110.000.000 đồng cho bị hại.

Bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn B đã thừa nhận hành vi lấy số tiền 110.000.000 đồng của chị Huỳnh Thị Thu H cùng một tài sản khác; tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo B không thừa nhận lấy số tiền 110.000.000 đồng của chị H vì lý do quá trình điều tra bị ép cung, tinh thần không minh mẫn nhưng căn cứ vào bản tự khai, các biên bản ghi lời khai, các biên bản hỏi cung đối với bị cáo đều có sự tham gia của Kiểm sát viên, luật sư (bút lục số 128, 105-106, 109-110) đều thể hiện bị cáo B đã thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 110.000.000 đồng của bị hại (bị cáo B khai nhận lấy số tiền 110.000.000 đồng trong tủ bàn trang điểm của chị H với 11 cọc, tương ứng 10.000.000 đồng/cọc) và phù hợp với lời khai của con ruột bị cáo là chị Nguyễn Thị Hồng G (bút lục số 188-189: “Chị G nghe bị cáo B nói chuyện với mọi người trong nhà là bị cáo có số tiền 110.000.000 đồng”. Ngoài ra, tại phiên tòa ngày 06-8-2019, chị G cung cấp đoạn ghi âm buổi làm việc tại cơ quan điều tra huyện Đắk R’Lấp, đoạn ghi âm thể hiện cán bộ điều tra yêu cầu B trả lại số tiền 110.000.000 đồng cho bị hại thì bị hại sẽ làm đơn bãi nại nhưng bị cáo không có đủ số tiền trên mà chỉ có 50.000.000 đồng). Do vậy, có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo phạm vào tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự với tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 139.170.000 đồng.

[2]. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của chị H với số tiền 29.170.000 đồng nhưng không thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của chị H với số tiền 110.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có thiếu sót, bởi lẽ trong vụ án cần đánh giá tính chất, mức độ hành vi thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để xem xét mức độ thành khẩn của bị cáo khi áp dụng hình phạt. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo nhưng xem xét ở mức độ không cao khi áp dụng tình tiết này.

[3]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’Lấp đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn B theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự và kháng cáo của bị hại đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại số tiền 110.000.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Từ phân tích, đánh giá tại mục [1]. có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’Lấp và bị hại.

[4]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’Lấp và kháng cáo của bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo; kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Theo quy định tại

điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự có mức hình phạt từ 03 năm đến 10 năm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 03 năm tù là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi hậu quả của bị cáo gây ra. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp và kháng cáo của bị hại; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Mặt khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa phần bồi thường thiệt hại nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp và kháng cáo của bị hại Huỳnh Thị Thu H; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B; sửa bản án sơ thẩm số: 66/2019/HS-ST ngày 05-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp về điều luật áp dụng, phần hình phạt, bồi thường thiệt hại và án phí dân sự sơ thẩm.

1.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn B 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21-9-2018.

1.2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải bồi thường cho chị Huỳnh Thị Thu H số tiền 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm và 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đ;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- TAND huyện Đắk R'Lấp;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- CQCSĐT Công an huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thuyên